

TẠP CHÍ Khảo cổ học

Vietnam Archaeology



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHẢO CỔ HỌC
Vietnam Academy of Social Sciences
Institute of Archaeology

2 - 2024
ISSN 0866 - 742

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHẢO CỔ HỌC

Khảo cổ học

6 số một năm - 2/2024 (248)

MỤC LỤC

Trang

TỔNG BIÊN TẬP

Bùi Văn Liêm

NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG

Khảo cổ học Tiền - sơ sử ở hai huyện Hoàng Su Phi
và Xín Mần (Hà Giang) 3

VŨ TIẾN ĐỨC

Kết quả thăm dò di tích Quảng Hà (Đắk Nông) năm 2020 17

BAN BIÊN TẬP

Nguyễn Gia Đồi

Nguyễn Ngọc Quý

Thái Thị Ngọc Hân

Thân Thị Hằng

NGUYỄN NGỌC QUÝ, NGUYỄN VĂN MẠNH,
NGUYỄN THƠ ĐÌNH VÀ NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG

Nhận diện Cẩm thành Hoa Lư ở thế kỷ X qua kết
quả khai quật năm 2022 28

TRẦN ANH DŨNG

Phân kỳ đồ sứ thời Lý - Trần tại địa điểm 36
Điện Biên Phủ Hà Nội qua nghiên cứu dấu vết
kỹ thuật 38

TRÌNH BÀY BÌA

Thân Thị Hằng

PHẠM VĂN TRIỆU, PHẠM LÊ HUY

Kiến trúc trục xoay thời Lý tại 36 Điện Biên Phủ trong
bối cảnh kiến trúc Đông Á và giải mã các kiến trúc
trục xoay phát hiện tại Hoàng thành Thăng Long 52

NGUYỄN VĂN QUẢNG, LÊ MINH HÙNG,
NGUYỄN TRUNG KIÊN VÀ NGUYỄN VĂN QUÝ

Phật giáo ở Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên
Huế thời kỳ Champa qua tư liệu khảo cổ học 73

TÒA SOẠN

Số 61 Phan Chu Trinh, Hà Nội

Tel: 04. 39330732, Fax: 04. 39331607

Email: tapchikhaoco@gmail.com

HOÀNG NHƯ KHOA, LÊ ĐÌNH PHỤNG

Khai quật phế tích tháp Xuân Mỹ xã Phước Hiệp,
huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định 87

PHẬT GIÁO Ở QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ VÀ THỪA THIÊN HUẾ THỜI KỲ CHAMPA QUA TƯ LIỆU KHẢO CỔ HỌC

NGUYỄN VĂN QUẢNG, LÊ MINH HƯNG, NGUYỄN TRUNG KIÊN*,
VÀ NGUYỄN VĂN QUÝ**

1. Đặt vấn đề

Từ cuối thế kỷ II đến đầu thế kỷ XIV, khu vực Bắc Hải Vân, cụ thể là vùng đất 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế hiện nay là một phần lãnh thổ của vương quốc Champa, điều này không chỉ được khẳng định trong các tài liệu văn bản mà còn được chứng minh qua các di tích, di vật.

Champa là một vương quốc chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Hindu giáo, phần lớn các thời kỳ lịch sử Champa, Hindu giáo là quốc giáo. Tuy nhiên, cũng như nhiều quốc gia cổ đại khác ở Đông Nam Á, Champa cũng tồn tại trạng thái đa tôn giáo. Bên cạnh Hindu giáo, Phật giáo và Hồi giáo cũng có mặt ở vương quốc này. Đáng chú ý, Phật giáo từ Ấn Độ đã xâm nhập khá sớm vào Champa, gắn liền với những năm đầu của thời kỳ lập quốc, đồng hành cùng với quá trình tồn tại, phát triển và suy vong của vương quốc này. Thậm chí trong đầu thời Indrapura (cuối thế kỷ IX - đầu thế kỷ X), Phật giáo Đại Thừa phát triển mạnh mẽ ở Champa và trở thành tôn giáo quan trọng nhất. Chính vì thế, từ trước đến nay, Phật giáo Champa luôn là đề tài khá hấp dẫn với các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu chủ yếu đề cập đến Phật giáo toàn Champa, hoặc tập trung vào Phật viện Đồng Dương, chưa được chú ý nhiều đến Phật giáo Champa ở cấp độ vùng miền, trong đó có khu vực Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế/Bắc Champa, đề từ đó có cái nhìn cụ thể, chi tiết, tìm ra những điểm riêng/chung trong quá trình phát triển Phật giáo Champa ở các khu vực khác nhau.

Thông qua các tài liệu khảo cổ có được qua các di tích đền - tháp, điêu khắc, bia ký, bài viết cổ gắng đề cập, đi sâu phân tích, đưa ra các nhận xét về các dấu ấn Phật giáo ở khu vực Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Bình - Trị - Thiên), từ đó rút ra các đặc điểm chủ yếu của Phật giáo Champa ở khu vực này.

2. Phật giáo khu vực Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế thời kỳ Champa tiếp cận từ tư liệu

Trong thời kỳ Lâm Ấp - Champa (trước năm 1069), khu vực Bình - Trị - Thiên là vùng phía bắc của vương quốc Champa, nơi thường xuyên xảy ra các cuộc giao tranh giữa Champa với Trung Hoa (trước thế kỷ X) và Đại Việt (từ thế kỷ X trở về sau). Vùng đất này sớm sáp nhập vào lãnh thổ

* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo

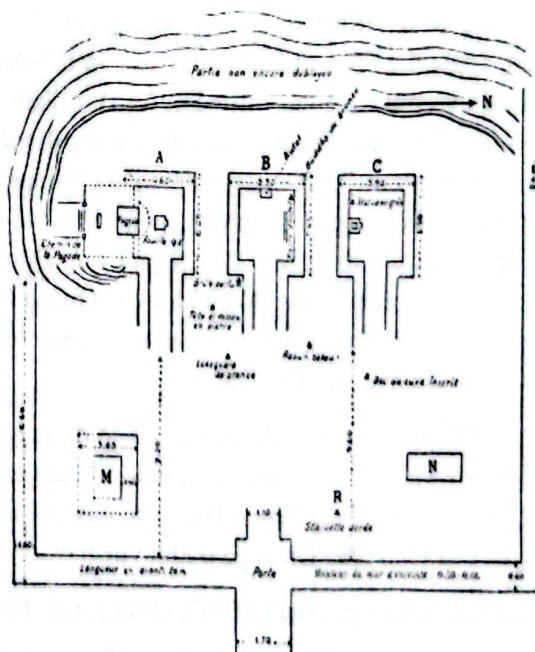
Dại Việt cho nên nhiều di tích nhanh chóng bị mất dấu, trở thành phế tích. Theo thống kê của chúng tôi, hiện nay ở vùng đất Bình - Trị - Thiên còn dấu vết của 8 thành - lũy và khoảng 51 phế tích đền - tháp, đó là chưa kể đến nhiều tác phẩm điêu khắc bằng đá, bằng đồng đã được phát hiện từ đầu thế kỷ XX đến nay (Nguyễn Văn Quảng 2018). Những dấu tích văn hóa này có niên đại kéo dài từ thế kỷ IV đến thế kỷ đầu thế kỷ XIV, đã phản ánh sự thật lịch sử vương quốc Champa, đồng thời cho thấy sự phát triển về văn hóa (vật thể và phi vật thể) của cư dân Champa ở vùng đất phía bắc này. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là, với những kết quả nghiên cứu của các học giả người Pháp trước đây và Việt Nam sau này, ở vùng đất Bình - Trị - Thiên, các di tích, di vật liên quan đến Phật giáo thời kỳ Champa có số lượng cũng khá nhiều so với các vùng miền khác của vương quốc Champa (trừ vùng đất Quảng Nam), loại hình phong phú, đa dạng như di tích đền - tháp, bia ký, các tác phẩm điêu khắc bằng đá, đồng, được phát hiện trên nhiều khu vực ở Bình - Trị - Thiên. Điều này phản ánh sự phát triển của văn hóa Champa ở Bình - Trị - Thiên nói chung, Phật giáo ở vùng đất này nói riêng.

2.1. Đền - tháp

Ở Bình - Trị - Thiên hiện nay còn hiện diện khoảng 51 phế tích đền - tháp Champa, trong đó, có 3 di tích rất quan trọng liên quan đến Phật giáo, đều tập trung ở Quảng Bình, đó là Đại Hữu, Mỹ Đức và động Phong Nha.

- Di tích Đại Hữu: Tọa lạc tại cụm 3, thôn Đại Hữu, xã An Ninh, huyện Quảng Ninh hiện nay. Vị trí tọa lạc của di tích thuộc vùng bán sơn địa, gần núi Thần Đinh và sông Long Đại.

Di tích này được linh mục P. Henri de Pirey khai quật trong ba năm 1918, 1922 và 1925¹, kết quả sơ bộ được L. Finot và V. Golubev công bố trong năm 1925 (Finot L., Golubev V. 1925: 469 - 475) và sau đó được L. Arousseau công bố đầy đủ trên BEFEO (Arousseau L. 1926: 359 - 362). Cuộc khai quật đã làm xuất lộ nền móng của ba tháp chính/Kalan bằng gạch, đứng song song, thẳng trục, cách nhau khoảng 1.0m, mặt bằng đều có dạng hình vuông (Hình 1). Tháp A (tháp nam) có kích thước (5.95 x 5.95)m, lòng tháp rộng (3.0 x 3.0)m, cửa chính rộng 1.95m. Tháp B (tháp giữa) có kích thước nhỏ hơn, (5.50 x 5.50)m, lòng tháp rộng (3.0 x 3.0)m, cửa chính rộng 1.45m. Tháp C (tháp bắc) có kích thước (5.90 x 5.90)m, lòng tháp hẹp hơn hai tháp còn lại (2.90 x 2.90)m, cửa chính rộng 1.76m (Arousseau L. 1926: 390)². Khi khai quật tháp A (tháp nam) và C (tháp bắc)



Hình 1. Mặt bằng di tích đền - tháp Đại Hữu
(Nguồn: Finot L., Golubev V. (1925), pp. 470)

đã phát hiện dấu vết của hồ thiêng bên trong chứa các vật thiêng như lá vàng, mảnh thạch anh, mảnh thủy tinh, âu nhỏ bằng vàng, hạt ngọc... Đáng chú ý, cuộc khai quật tại di tích này cũng tìm thấy nhiều hiện vật liên quan đến Phật giáo rất có giá trị, tiêu biểu là: 01 tượng Phật (Budda) bằng đồng, cao 0.445m; 01 tượng Lokesvara bằng đồng, cao 0.335m; 01 tượng Prajnaparamita bằng đá,

cao 0.65m; 01 tượng nhỏ của Lokeshvara mạ đồng, cao 0.122m; 01 vật thờ cúng bằng kim loại, cao 0.082m; các mảnh vỡ của một bức tượng bằng sành khác và 01 mảnh vỡ Yoni (dài 0.29m, rộng phần trong 0.37m, phần ngoài 0.17m và cao 0.17m) có minh văn 2 mặt ở phần vôi, mỗi mặt 3 dòng. Nội dung minh văn ca ngợi sự thông minh, mạnh mẽ và lòng từ bi của Ratna - Lokeshvara, sự giàu có của vua Jaya Sinhavarman, cũng như việc xây dựng một đền - tháp, thờ Ratna - Lokeshvara ở vùng đất có tên gọi Vrddha - Ratnapura (Finot L., Golubev V. 1925: 471 - 472).

Hiện nay, di tích Đại Hữu đã trở thành phế tích, đa phần các hiện vật đã bị thất lạc. Trước đây, Bảo tàng Điều khắc Champa Đà Nẵng có lưu giữ một tượng Padmapani (Bồ tát Liên Hoa) bằng sa thạch, cao 0.97m, tạo hình trong tư thế đứng, hai tay cầm búp sen, đặt trên hai trụ đỡ, búi tóc vấn theo kiểu Jata - Mukuta và có thiết trí hình tượng Phật A Di Đà ở phía trước, niên đại thế kỷ IX - X nhưng đã bị mất năm 1988. Bảo tàng Lịch sử thành phố Hồ Chí Minh hiện đang trưng bày một tượng Phật bằng đồng³ và một tượng Quan thế âm Bồ tát (Avalokitesvara) bằng đồng (Hình 2)⁴, niên đại thế kỷ IX - X, có nguồn gốc tại di tích Đại Hữu. Ngoài ra, tại BT Lịch sử Quốc gia cũng đang giữ một tượng Prajnaparamita bằng đá, cao 0.78m, cũng có nguồn gốc tại di tích này⁵.

Dựa vào tài liệu bia ký và các tác phẩm điêu khắc, có thể khẳng định, khu đền - tháp Đại Hữu có một niên đại xây dựng dưới thời Jaya Sinhavarman (898 - 908), tức thế kỷ IX - X, nhằm cúng hiến cho Ratna - Lokeshvara.

- Di tích Mỹ Đức: Hiện nay tọa lạc trên một gò đất, cao hơn mặt bằng xung quanh khoảng 0.60 - 0.70m, thuộc đội 2, thôn Mỹ Đức, xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, thuộc địa hình đồng bằng, gần sông Cẩm Lý - một nhánh của Kiến Giang.

Di tích này được P. Henri de Pirey khai quật trong những năm 1921 - 1922 nhưng không có báo cáo nào được công bố ngoài một vài thông tin từ tường thuật của các học giả người Pháp sau đó (EFEO 1918: 61; EFEO 1922: 372 - 375; Boisselier J. 1963 : 136; Finot L., Golubev V. 1925: 474 - 475). Kết quả khai quật cho thấy, khu đền - tháp Mỹ Đức gồm ba tháp chính/Kalan nằm thẳng hàng, phía trước có một tháp ba cửa (tháp cổng?) và một tháp ở phía nam, trong một vành đai vây quanh một phòng lớn nằm giữa trục của tổng thể (Hình 3). Những cơ sở bố trí như thế này gọi lại cùng một lúc các cơ sở ở Đại Hữu và cả những cơ sở ở Đồng Dương (Boisselier J. 1963: 136). Cuộc khai quật cũng đã tìm thấy nhiều hiện vật thể hiện rõ tính chất Phật giáo của khu đền - tháp và thuộc cùng một phong cách với di tích Đại Hữu: 01 mảnh bia ký, không có niên đại, có hai thuật ngữ liên quan đến Phật giáo: Jagadhura và Abhayada; 01 Garuda lớn bằng đá; 01 tượng Prajnaparamita bằng đá, 02 tượng Avalokitesvara bằng đá (01 tượng nam, 01 tượng nữ), 01 tượng bán thân Padmapani (Bồ tát Liên Hoa), 02 tượng Phật bằng đồng thau ngồi và một

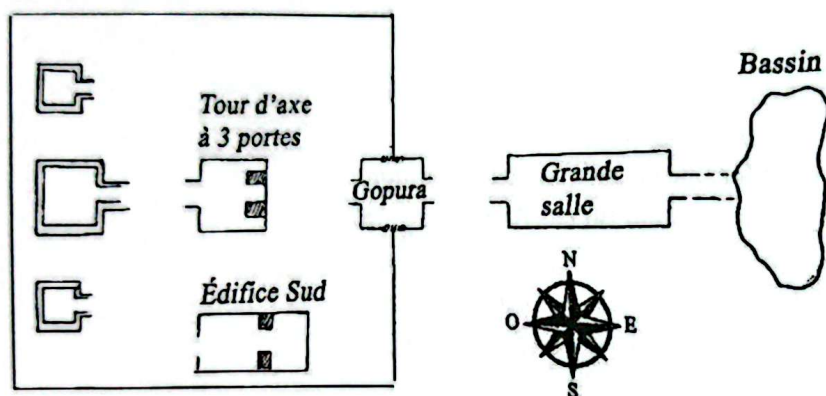


Hình 2. Tượng Avalokitesvara Đại Hữu tại Bảo tàng Lịch sử thành phố HCM

(Nguồn: <http://giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=37E04>)

Maitreya (Đấng Từ bi) nhỏ bằng đồng, 01 mảnh trang trí hình sư tử bằng đồng (Boisselier J. 1963: 136 - 137).

Cũng như Đại Hữu, hiện nay, Mỹ Đức đã trở thành phế tích, các hiện vật cũng bị phân tán nhiều nơi: BT Guimet (Pháp) - 01 tượng Lokeshvara (Hình 4); BT Điều khắc Champa Đà Nẵng - 01 tượng Garuda, 01 tượng Lokeshvara (đã mất năm 1988); BT Lịch sử Quốc gia - 01 tượng Maitreya, 01 mảnh trang trí hình sư tử; sưu tập David Weill - 01 tượng Prajnaparamita (Boisselier J. 1963: 136), số còn lại không biết ở đâu?.



Hình 3. Mặt bằng di tích đền - tháp Mỹ Đức
(Nguồn: Emmanuel Grullibe)



Hình 4. Tượng
Avalokitesvara Mỹ Đức ở
Bảo tàng Guimet (Pháp)
(Nguồn: Boisselier J. (1963))

Sự xuất hiện hai thuật ngữ liên quan đến Phật giáo trên tấm bia tìm được (Jagadhura và Abhayada), cũng như sự hiện diện của các tượng Avalokitesvara (Quan Thế âm Bồ Tát), Padmapani (Bồ Tát Liên Hoa) và Prajnaparamita tại di tích trong cuộc khai quật năm 1925, cho thấy di tích đền - tháp Mỹ Đức cũng là một cơ sở thờ tự Phật giáo. Đáng chú ý, các tác phẩm này có nhiều điểm tương đồng về tiểu tượng học với loại hình tượng ở di tích Đại Hữu nên di tích đền - tháp này cũng có một niên đại xây dựng trong thời kỳ Indrapura, cuối thế kỷ IX - đầu thế kỷ X.

- Động Phong Nha (làng Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch) là một hang ngắn (khoảng hơn 600m) thuộc hệ sơn khối đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng, được các học giả người Pháp khám phá và nghiên cứu kỹ lưỡng từ cuối thế kỷ XIX. Những khám phá đó cho thấy, động Phong Nha là không chỉ là một kỳ quan thiên nhiên thế giới mà còn là nơi có nhiều trầm tích văn hóa, trong đó có văn hóa Champa, đặc biệt là Phật giáo.

Ông C.Paris, một trong những người đầu tiên, sau các nhà truyền giáo ở vùng này đến thăm động Phong Nha và “đã nhận ra ở bên phải lối vào, một bệ thờ xây bằng gạch Chăm do người An nam lắp ráp lại, hồi xưa nâng đỡ một pho tượng đá, chân bắt chéo, đeo một svastika trước ngực, đội mũ che gáy. Pho tượng chắc đã bị đẩy xuống sông. Ở giữa động, chắc hẳn còn một bệ thờ với một pho tượng nữa” (Parmentier H. 1909: 544). Năm 1901, trong bài viết *La Religion des Chams d'après les monuments, étude suivie d'un Inventaire sommaire des monuments Chams de l'Annam*, đăng trên BEFEO, L.Finot cho biết đã tìm thấy ở Phong Nha 35 hình ảnh Phật giáo Đại Thừa bằng

đất nung thể hiện 5 chủ đề: 1. Đức Phật ngồi trên đài sen; 2. Hình tháp có đỉnh hình các lọng ô; 3. Bồ Tát Avalokitesvara; 4. Bồ Tát Pamapani; 5. Người ngồi trên đài sen. Các tác phẩm Phật giáo này đều có dạng gần tròn, kích thước nhỏ (0.05 - 0.10m) (Finot L. 1901: 25-26).

Năm 1909 - 1918, H. Parmentier cung cấp bản vẽ một tượng Phật, kích thước nhỏ, bằng đất nung, rất cứng, ngồi trên bệ sen, có nguồn gốc ở Phong Nha. Toàn bộ chiều cao của tượng chỉ từ 0.08 - 0.10m. Đức Phật ngồi xếp bằng tròn, bàn tay trái duỗi ra, đặt nằm trong lòng, bàn tay phải chỉ xuống đất theo động tác cổ điển. Búi tóc buộc ngược thành túm trên đỉnh đầu, có lẽ là theo truyền thống Usnisa, không thấy có dấu urna. Chi vai phải và bàn tay trái để trần (Parmentier H. 1909: 545). Niên đại của tác phẩm được xác định khoảng thế kỷ X.

Ngoài tượng Phật và các tiểu phẩm Phật giáo, C. Paris cũng đã thu thập được 97 bia ký, chia thành 162 tờ. Các bia ký có dạng chữ bất thường và những khó khăn trong việc dập lại chính xác, khiến việc phiên dịch các bia ký đó chưa thể tiến hành được. Tuy vậy, cũng đã đọc được tên Cariputra phù hợp với tính chất Phật giáo của các hang động này (Parmentier H. 1909: 545). Trong số các bia ký đó, Coedes George nhận ra có những bia ký có niên đại 1031 (Coedes G. 1923 : 26-27). Những bia ký đó hiện nay vẫn còn dưới những góc độ nhất định tại động Phong Nha, tuy nhiên do phần lớn chữ bị mờ hoặc bị viết chồng nên phần lớn chưa được giải mã. Đáng chú ý gần đây, tác giả Hajan/Kiều Ngọc Tảo đã công bố bản dịch một bia ký ở động Phong Nha với những thông tin thú vị, đề cập trực tiếp đến Thích Ca Mâu Ni và vị vua có tên là Śrī Garama. Bia ký này viết bằng tiếng Chăm cổ, niên đại năm 940 saka (tức 1018 sau Công nguyên). Tác giả cho rằng, đây là minh văn của Sri Garama, gồm 6 dòng được khắc đề lên một minh văn khác gồm 4 dòng. Minh văn 4 dòng này dường như chỉ có thể đọc được vài ký tự và vài con số có thể nhận thấy (Kiều Ngọc Tảo 2021). Việc nội dung bia ký trên có nhắc đến Đức Thích Ca Mâu Ni cho thấy người Champa xưa kia đã tận dụng động Phong Nha (hang mà các bia kí được phát hiện) để làm nơi thờ tự Phật giáo.

Tất cả những dữ liệu này cho thấy, Phong Nha là trung tâm Phật giáo Đại thừa quan trọng ở khu vực bắc Champa và có thể tồn tại qua nhiều thời kỳ, từ thế kỷ IX - thế kỷ XI, sau đó được người Việt kế thừa, biến đổi nơi này thành đền thờ Chân Linh tiên nữ.

Ngoài các di tích quan trọng trên, liên quan đến Phật giáo Champa ở khu vực này, còn có di tích Lòì Giàng (xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình) nếu căn cứ vào nội dung bia ký được tìm thấy tại tích này có đề cập đến một tu viện Phật giáo có tên là Dram (Dramvihara), niên đại khoảng phần đầu và giữa thế kỷ IX (Griffiths A., Amandine Lepoutre, William A. Southworth and Thanh Phan 2012: 75). Trong một nghiên cứu gần đây, Lê Đức Thọ đặt ra giả thuyết rằng, đền - tháp Hà Trung (Gio Châu, Gio Linh, Quảng Trị) cũng có liên quan yếu tố Phật giáo. Theo ông, “đôi chiếu với ngôi đền Devalingesvara xây năm 830 saka - nơi có thờ Avalokitesvara (Bồ tát Quan Thế Âm) để vinh danh bà ngoại của Tribhuvanadevi, hoàng hậu của vua Jaya Simhavarman I ở Nhan Biều (Triệu Thượng, Triệu Phong, Quảng Trị) thì ngôi đền Indrakantesvara do chính Hoàng hậu Tribhuvanadevi mộ đạo cùng đường xây năm 838, chỉ 8 năm sau đó ở Hà Trung, chúng ta có quyền nghi ngờ rằng không thể thiếu yếu tố Phật giáo trong ngôi đền này. Liệu Indrakantesvara có liên quan gì đến Indra/Ấn Đà La/Đế Thích Thiên (trong Phật giáo Thiền tông)? Mặt khác, các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra các chi tiết trang trí kiến trúc trong khu đền tháp Hà Trung thuộc phong cách nghệ thuật Đồng Dương - thời kỳ mà Phật giáo phát triển mạnh mẽ ở vương quốc nhờ vào vua Indravarman là người sùng đạo Phật cũng cho thấy nhiều khả năng ngôi đền mang nhiều yếu tố Phật giáo” (Lê Đức Thọ 2023: 111-112). Theo chúng tôi, điều này cần phải tiếp tục nghiên cứu, vì còn thiếu nhiều cứ liệu trực tiếp. Chúng ta biết rằng, trong bia ký Hà Trung (C.113), niên đại năm 916 Công nguyên, có ghi “*humā yān pov ku Ćrī-Indrakāntēçvara di nagara Navap*” (có những cánh đồng thuộc ngôi đền của Ćrī-Indrakāntēçvara ở thành phố Navap) (Huber 1911: 299). Chúng tôi cho rằng,

đền tháp Hà Trung là cơ sở thờ tự Siva dưới dạng một Mukhalinga (Linga có tạc hình mặt người), được đặt tên là Indrakāntaṣvara, chứ không phải liên quan đến Phật giáo.

2.2. Điều khắc

Bên cạnh các di tích và bia ký liên quan đến Phật giáo, ở Bình - Trị - Thiên cũng phát hiện một số tác phẩm điêu khắc thể hiện chủ đề Phật giáo bằng đá, đồng, trong đó có những tác phẩm được xem là độc đáo, phản ánh sự tài hoa của người thợ Champa. Đáng chú ý là Thân tượng Phật Quảng Khê, Bộ sưu tập tượng đồng ở Kê Nại, tượng Padmapani (Bồ tát Liên Hoa) Kê Nại, tượng Lokitesvara Thù Thù/Thu Thù (tỉnh Quảng Bình); tượng Lokesvara Cổ Thành (Quảng Trị); đầu tượng Avalokitesvara Sơn Tùng, tượng Avalokitesvara Thủy Cam và tượng Avalokitesvara Thanh Phước (Thừa Thiên Huế).

- Thân tượng Phật Quảng Khê: Được người Pháp phát hiện tại làng Quảng Khê vào đầu thế kỷ XX (nay thuộc xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch) cùng với một vài mảnh tượng vụn nát thuộc nhiều niên đại khác nhau, trong đó có một đầu tượng Bồ Tát (Bodhisattva). Thân tượng Phật Quảng Khê được làm bằng sa thạch, mất phần đầu và phần dưới thắt lưng trở xuống, do đó không có nhiều thông tin về tiểu tượng học. Tuy nhiên, dựa vào những gì còn lại thì nhận thấy rằng, đây là thân một pho tượng Phật nằm trong nhóm các tượng Phật có hai vai che kín, y phục xếp thành nếp, có mối liên hệ đến truyền thống những bức tượng Gupta đầu tiên. Theo Boisselier, tính chất độc đáo của thân tượng Phật ở Quảng Khê dường như nằm trong cách gắn hào quang, khác với cách gắn đối với các tượng khác và được đánh dấu bởi những chỗ hờ ở mức độ các xương bả vai, tương tự như bức tượng lớn ở Bukit Seguntang, Sumatra, Indonesia, thuộc truyền thống nghệ thuật Dvaravati (Boisselier J. 1963: 135). Thân tượng Phật Quảng Khê được xác định có niên đại tương đối nằm giữa thế kỷ IV và thế kỷ VI, thuộc nhóm các tượng Phật có hai vai che kín. Với niên đại này, đây là bằng chứng sớm nhất về dấu ấn Phật giáo Champa ở Quảng Bình.

- Bộ sưu tập tượng đồng ở Kê Nại: Được Lemire sưu tầm tại Kê Nại (hiện nay có thể là làng Diêm Điền, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới), bao gồm nhiều bức tượng nhỏ bằng đồng, với nhiều phong cách và niên đại khác nhau, trong đó đáng chú ý có một tượng Avalokitesvara (Quan Thế âm Bồ tát) bằng đồng, đầu có vàng hào quang hình bầu dục, có vầng hình như ngọn lửa, chỉ liên quan tới đầu và mọc ra từ đôi vai. Y phục có một thân dài, khá tự nhiên, lướt qua trên thắt lưng bằng kim loại quý và được giữ lại bởi khăn choàng - thắt lưng và để cho thân sa xuống được tự do. Hai tai đeo những vòng tai nặng, các cổ tay và các mắt cá mang vòng thông xuống do sức nặng của chúng. Vương miện rất hẹp, được trang trí nhưng bông hoa nhỏ, đặt trên một mái tóc có Jata cao, trên chóp có một kiểu trang trí ở đầu mút.

Ở Kê Nại cũng tìm thấy một bức tượng nhỏ khác thuộc sưu tập Lemire cũ, có thể là Padmapani (Bồ Tát Liên Hoa). Đồ đội có ba vương miện liên tiếp, không có tượng Amitabha; chiếc kiềng trên cổ được trang trí một hàng miếng bảo thạch nhỏ. Mặt sau của bức tượng nhỏ, dẹt, được đúc khuôn một cách cẩn thận. Niên đại bức tượng được xác định niên đại thế kỷ IX - X (Boisselier J. 1963).

Ngoài những di tích, di vật quan trọng trên, theo J.Boisselier, cách Mỹ Đức tám cây số về phía Bắc, ở Thu Thù (làng Thủ Thù, xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, Quảng Bình hiện nay) cũng đã sưu tầm được một vài hiện vật Phật giáo, đó là một bức tượng nhỏ của Lokesvara bằng đá và nhiều mảnh tượng Phật bằng đồng thau (Boisselier J. 1963: 137)..., trong đó, tượng Lokesvara Thủ Thù được làm bằng đá hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia Hà Nội, số đăng ký LSb 19867, cao 46cm, gãy mất toàn bộ tay trái và cánh tay bên phải. Tóc tết cao thành búi hai lớp ở giữa đỉnh đầu, vành giữ tóc được trang trí bằng những bông hoa nhỏ, trên búi tóc có hình Phật Adidha

(Amitabha), mặt tươi cười, ngực trần, thân cuốn sarong dài, có những nếp gợn sóng đều nhau, niên đại đầu thế kỷ X.

Ở Quảng Trị, dù có số lượng di tích đền - tháp nhiều nhất trong 3 tỉnh (khoảng 30 di tích) nhưng số lượng các di tích, di vật liên quan đến Phật giáo không nhiều, trong đó đáng lưu ý nhất là tượng Lokeshvara Cổ Thành (Thị xã Quảng Trị), hiện được lưu giữ tại Bảo tàng điêu khắc Chăm Đà Nẵng. Tượng được làm bằng sa thạch, thể hiện một vị Bồ Tát ở dạng Nam thân (Lokeshvara), mang đậm ảnh hưởng của nghệ thuật Khmer, phong cách Bayon cuối thế kỷ XII-XIII. Tượng bị mất hai tay và phần lớn hai chân, bị vỡ một phần ở phần mũi, miệng; đầu đội mũ Kirita một phần, trùm đến phần trán, phía trước mũ thể hiện tượng A-di-đà/Amitābha ngồi thiền. Thân có vàng trắng rộng, hai mắt nhắm, lông mày rõ, giao nhau, miệng rộng, môi dày, hai tai to dài. Thân để trần, vì hai chân phần lớn bị mất nên chúng ta không biết rõ về trang phục ở phần thân dưới nhưng những gì còn lại cho thấy thân mang một sampot trang trí hoa văn kẻ sọc, được giữ bằng một thắt lưng đẹp, trang trí bằng những đường viền ngang, mặt thắt lưng là một bông hoa lớn, nhiều cánh, vật sampot thả phía trước, phía dưới bề ra.

Tượng Lokeshvara Cổ Thành là một tác phẩm độc đáo, cùng với tượng Bồ Tát Bình Định, là những tác phẩm được cho là ảnh hưởng của nghệ thuật Khmer rõ nét, mà bối cảnh của sự ảnh hưởng này là gắn với thời kỳ Champa bị Angkor đô hộ (1191 - 1220), dưới triều đại vua Jayavarman VII của Angkor, một triều đại sùng bái Phật giáo rõ nét (Hình 5).

Ở Thừa Thiên Huế, số lượng các tác phẩm điêu khắc thể hiện chủ đề Phật giáo thời kỳ Champa cũng không nhiều, dù số lượng đền - tháp Champa được ghi nhận ở địa phương này khoảng gần 20 di tích và hàng trăm tác phẩm điêu khắc. Theo ghi nhận của chúng tôi, hiện nay có 3 tác phẩm liên quan đến chủ đề Phật giáo được biết đến, đó là tượng Avalokitesvara Thủy Cam (?), đầu tượng Avalokitesvara ở Sơn Tùng và tượng Avalokitesvara Thanh Phước.

Tượng Avalokitesvara Thủy Cam được các học giả người Pháp sưu tầm được ở phía Bắc Huế nhưng không xác định địa danh cụ thể trên thực địa hiện nay. Và tác phẩm này hiện nay cũng không biết ở đâu. Đây là tác phẩm được đúc bằng đồng, thể hiện Avalokitesvara đứng trên bệ sen 2 tầng. Thân đội một vương miện đẹp, được trang trí bằng những hoa nhỏ, đặt trên một mái tóc có jata cao, trên chóp có một kiểu trang trí ở đầu mút. Chiếc jata này chỉ có hai lọn tóc tết nằm ngang, nhưng nhiều quai ngang thông xuống tới hai vai. Phía trước mũ miện thể hiện Phật A-di-đà đang ngồi thiền định. Y phục của thân có một thân rất dài, khá tự nhiên, lướt qua trên thắt lưng bằng kim loại quý và được giữ lại bởi thắt lưng rộng, xoắn lại, vẽ nên hai quai xanh, ít nhiều căng ra. Đồ trang sức gồm có hoa tai dài đến vai, cổ mang vòng hạt chuỗi, các cổ tay và các mắt cá mang vòng thông xuống. Bồ Tát có 4 tay nhưng đã bị gãy 1 cánh, một tay cầm hoa sen, một tay cầm vật gì không rõ. Niên đại của tượng được xác định vào cuối thế kỷ IX - đầu thế kỷ X, thuộc phong cách Đồng Dương, cùng phong cách với các nhóm tượng đồng tìm thấy ở Đại Hữu, Kẻ Nại, Mỹ Đức (Quảng Bình).

Đầu tượng Avalokitesvara ở Sơn Tùng, có nguồn gốc tại di tích đền - tháp Sơn Tùng, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền. Trước đây, đầu tượng được thờ tại miếu Bà Giàng trên phạm vi di tích, nhưng hiện nay, đầu tượng này đang được gìn giữ tại phòng trưng bày thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thành phố Huế. Đầu tượng được làm bằng sa thạch, còn nguyên vẹn, mất một ít tóc, kích thước: cao 19 cm, rộng 10cm. Đầu tượng thon tròn với gương mặt thanh tú, trán rộng, cung mày nhỏ, uốn cong. Mắt nhỏ dài, sống mũi cao, cánh mũi rộng. Miệng hẹp, môi dày, khóm miệng sâu. Tai to, chày dài xuống vai, đeo trang sức hình elip khắc hình hoa nở. Tóc cuộn xoắn hình ốc, phần dưới xoắn xuống vai, phần trên xoắn nhiều lớp vờn cao, trên cùng có hình tượng

Phật A-di-đà ngồi thiền. Những đặc điểm trên cho thấy, đây là đầu tượng Avalokitesvara (Quan thế âm Bồ tát), niên đại khoảng thế kỷ IX - X, thuộc phong cách Đồng Dương (Hình 6).



Hình 5. Tượng Lokeshvara Cổ Thành
(Nguồn: Nguyễn Hoàng Hương Duyên)



Hình 6. Đầu tượng Quan Thế âm Bồ Tát Sơn Tùng
(Nguồn: Trần Đức Anh Sơn)



Hình 7. Tượng Avalokitesvara Thanh Phước
(Nguồn: Nhóm tác giả)

Tượng Avalokitesvara Thanh Phước đang được thờ trong miếu Bà (cụm 3, Thanh Phước, xã Hương Phong, Thị xã Hương Trà), nằm ở phía tả ngạn sông Hương. Tượng chỉ cao 35,5 cm, rộng 6,5cm, dày 6,5cm, là bức tượng thể hiện chủ đề Phật giáo bằng đá nhỏ nhất được biết. Tượng làm bằng sa thạch, khắc họa hình ảnh của một Avalokitesvara trong tư thế đứng trên bệ vuông. Thân có khuôn mặt bầu tròn, vẻ mặt tươi tỉnh, đầu đội mũ hình chóp hai tầng, trang trí hoa văn cánh sen phía trước. Búi tóc cao, hình trụ tròn; tóc tết thành từng lọn nhỏ kiểu con rít, gọn gàng, phía sau dài đến gần trái tai. Trán phẳng; hai mắt tương đối lớn, đều; lông mày nhỏ, cong; sống mũi thẳng, cánh mũi bệ; miệng ngậm, hơi rộng, môi dưới dày hơn môi trên; hai tai to, dài. Vai ngang, rộng, đôi ngực nở nang. Hai tay bị vỡ và được đắp lại bằng xi măng, trong tư thế chắp lại cầu nguyện. Thân mặc một Sarong dài đến bàn chân, được buộc chặt bởi thắt lưng lớn, nổi cao, hai vạt dài thả dọc ở phía trước và phía sau giữa hai chân, vạt phía trước lượn sóng, trang trí các bông hoa 4 cánh, vạt phía sau thẳng, để trơn, không trang trí. Toàn bộ Sarong trang trí hoa văn tinh xảo bởi các đường diềm. Ở phần gần thắt lưng và phần gần chân gồm 3 đường diềm được bố trí nằm ngang, bên trong đường diềm giữa trang trí các hình tam giác, hai đường diềm hai bên trang trí hình chữ nhật lõm ở giữa. Phần giữa Sarong cũng được trang trí bằng những đường diềm chéo, dọc thân, bên trong có họa tiết trang trí. Dựa vào họa tiết trang trí có thể nhận thấy 3 loại đường diềm tạo thành một tổ hợp, lặp đi lặp lại (kiểu hồi văn). Một đường diềm trang trí các bông hoa 4 cánh, tiếp đó là đường diềm trang trí các hình chữ nhật lõm ở giữa, dưới cùng là đường diềm trang trí hình các tam giác. Đây là tượng Avalokitesvara có nhiều điểm tương đồng (nhất là phần trang phục) với Avalokitesvara Mĩ Đức (Quảng Bình) được người Pháp phát hiện vào năm 1918 tại Mỹ Đức và hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng quốc gia Nghệ thuật Châu Á-Guimet (Paris) với số hiệu MG 1899. Với họa tiết trang trí kiểu tóc xoắn xít hình con rít, motif trang trí của trang phục, tượng thuộc phong cách nghệ thuật Đồng Dương, niên đại cuối thế kỷ IX đầu thế kỷ X (Hình 7).

2.3. Bia ký

Ngoài các bia ký liên quan đến Phật giáo gắn liền với các di tích Đại Hữu, Mỹ Đức, Phong Nha như đã nói ở trên, ở vùng đất Bình - Trị - Thiên, cũng tìm thấy một số bia ký liên quan đến Phật giáo, tiêu biểu là bia ký Ròn (hay còn gọi là bia Bắc Hạ), Nhan Biều (Quảng Trị).

Bia Ròn được ông Charles-B. Maybon phát hiện vào đầu thế kỷ XX gần cửa Ròn, nay thuộc huyện Quảng Trạch⁶, sau đó được đưa về bảo tàng Tourane, nay là Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng. Đây là bia ký xa nhất về phía bắc của Champa. Bia này là một rầm cửa của đền - tháp Champa, có kích thước (148 x 32 x 38)cm, được làm từ đá granite. Nội dung bia ký kể lại việc cúng dường đất đai của một vị vua mà tên tuổi không được lưu lại, ủng hộ cho nhân vật Damareśvara. Danh xưng này, nghĩa là “vị chúa tể của Hỗn loạn”, thoát nhìn gọi nghĩ đến thần Śiva. Theo Huber thì đây là danh xưng của Avalokiteśvara, tuy nhiên, quan điểm này thật khó thuyết phục. Arlo Griffiths thì cho rằng, rằng tên này (Damareśvara) được Phạn hóa từ một tên Chăm và ở một dạng khác là *draṃvihāra*, mà có thể có nghĩa “Tu viện Dram”. Những lý do chủ yếu để nghĩ đến một nhân vật sùng bái Phật giáo hẳn là việc văn bản có đề cập đến từ vihāra (tu viện), có thể nói đến một tu viện Phật giáo (Griffiths A., Amandine Lepoutre, William A. Southworth and Thanh Phan 2012: 75-77). Niên đại tấm bia này được xác định trong khoảng phần đầu và giữa thế kỷ IX (Griffiths A., Amandine Lepoutre, William A. Southworth and Thanh Phan 2012: 75).

Tại Quảng Trị, một bia ký nổi tiếng được người Pháp phát hiện và công bố vào đầu thế kỷ XX liên quan đến Phật giáo là bia Nhan Biều (xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong) mà hiện nay không biết ở đâu. Theo Huber, bia ký này có 4 mặt, do một vị triều thần có tên là Po Khun Pili Rajadvara, người đã thờ bốn đời vua của vương triều Indrapura: Jaya Simhavarman, Jaya Saktivarman, Bhadravarman II và Indravarman III dựng lên, nói về việc xây dựng hai cơ sở tôn giáo ở quê hương ông trong hai năm 908 và 911. Cơ sở đầu là một Linga Devalingesvara và cơ sở thứ hai là một tu viện Phật giáo (Vihara) đặt dưới thuật ngữ Vrddhalokesvara. Nội dung tấm bia thể hiện rõ khuynh hướng hỗn hợp của những người sáng lập, khi đề cập đến đồng thời các yếu tố của Shiva giáo (Mahesvara), Phật giáo (Kṛpatmaka/Lokesvara) và cả Vishnu giáo. Đặc biệt, tấm bia cũng nói về hai cuộc hành hương (siddhayatra) của Rajadvara tiến hành ở các thánh địa Java (Yavadvivapura) dưới các triều vua Jaya Simhavarman và Bhadravarman II (Huber E. 1911: 299-310).

3. Nhận xét

Hiện nay, chưa có một tài liệu nào chứng minh một cách chắc chắn thời điểm cụ thể Phật giáo từ Ấn Độ truyền bá vào nước ta. Tuy nhiên, với những nghiên cứu về lịch sử, khảo cổ có thể thấy rằng, vào những năm đầu công nguyên, Phật giáo đã có ở Bắc Việt Nam, với trung tâm Phật giáo lớn nhất (và cũng là lâu đời nhất) nước ta là Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). Trung tâm Phật giáo Luy Lâu có thể thành lập sớm hơn các trung tâm Bành Thành (ở Lạc Dương) và Lạc Dương (ở Hà Nam) của nhà Hán, vì Phật giáo được truyền vào Bành Thành bằng đường biển, nếu vậy thì đạo

Phật chắc chắn đã đi qua Giao Châu trước, bởi vì Giao Châu là điểm giao tiếp quan trọng và chủ chốt giữa Trung Quốc với bên ngoài (Trần Quốc Vương, chủ biên 1998: 138).

Đối với Champa, tư liệu sớm nhất có liên quan đến Phật giáo là bia Võ Cạnh (làng Võ Cạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa ngày nay), niên đại khoảng cuối thế kỷ II đầu thế kỷ III⁷. Điều đó cho thấy, Phật giáo từ Ấn Độ du nhập vào Champa cũng rất sớm, khoảng những năm đầu công nguyên. Bằng chứng chắc chắn về sự hiện diện của Phật giáo ở Champa được ghi chép trong các tài liệu thành văn. Theo sử liệu Trung Hoa, những ghi chép đầu tiên về Phật giáo Champa vào thế kỷ VII sau Công nguyên của Thiền sư Nghĩa Tịnh: “Nghĩa Tịnh (I-Tsing) đã kể về Champa thời đó vào danh sách các quốc gia kính mến học thuyết Phật Thích Ca” (Phan Xuân Biên 1991: 277). Năm 605, quân nhà Tùy do tướng Lưu Phương chỉ huy đánh chiếm kinh thành của Lâm Ấp mang về những chiến lợi phẩm, trong đó có 1.350 pho kinh Phật (Phan Xuân Biên 1991: 277).

Đối với vùng đất Bình - Trị - Thiên tư liệu sớm nhất để chứng minh sự có mặt của Phật giáo ở vùng này là mảnh thân tượng Phật Quảng Khê, có niên đại từ thế kỷ IV đến thế kỷ VI. Dù không nhiều bằng chứng, nhưng tư liệu này cho thấy Phật giáo có mặt ở Bình - Trị - Thiên cũng rất sớm và là một trong những trung tâm của Phật giáo Champa trong thời kỳ đầu, cùng thời với các trung tâm Phật giáo sớm của Champa như Khánh Hòa, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi ngày nay. Đáng chú ý, theo J. Boisselier, thân tượng Phật Quảng Khê, Quảng Bình mang đậm dấu ấn của nghệ thuật Gupta, Ấn Độ (Boisselier J. 1963), cho thấy mối liên hệ giữa Phật giáo Champa với Ấn Độ và nằm trong dòng chảy truyền bá Phật giáo từ Ấn Độ sang Đông Nam Á/dòng Nam truyền. Con đường tơ lụa trên biển, các cảng thị và những dòng sông lớn ở miền Trung nói chung, Bình - Trị - Thiên nói riêng đã đóng vai trò quan trọng trong sự lan tỏa của Phật giáo vào miền Trung.

Từ thế kỷ IV cho đến thế kỷ VII, tư liệu di vật đã cho thấy sự có mặt của Phật giáo Nam truyền có nguồn gốc trực tiếp từ Ấn Độ (thể hiện qua tượng Phật Quảng Khê). Từ thế kỷ thứ VIII trở về sau, dòng Phật giáo Đại thừa Bắc truyền, mà nhất là Kim Cương thừa (*Vajrayāna*)⁸ hoạt động mạnh mẽ và để lại những dấu ấn sâu sắc đến Champa và cả Đông Nam Á.

Sau thế kỷ VII, mà nhất là trong thời kỳ Indrapura (cuối thế kỷ IX, đầu thế kỷ X), ở vùng đất Bình - Trị - Thiên Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ, trong đó, các di tích, di vật liên quan đến Phật giáo tập trung nhiều nhất ở Quảng Bình, trong khi đó ở vùng Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, dù số lượng di tích đền - tháp khá nhiều nhưng ở hai vùng này chỉ phát hiện một vài di vật thể hiện chủ đề Phật giáo, còn lại chủ yếu là các di tích, di vật liên quan đến Hindu giáo. Điều đó cho thấy, Quảng Bình là trung tâm quan trọng nhất của cả vùng Bình - Trị - Thiên và là trung tâm Phật giáo quan trọng thứ hai (sau trung tâm Đồng Dương, Quảng Nam) của vương quốc Champa trong thời kỳ Indrapura (thế kỷ IX - X).

Sự phát triển phồn thịnh của Phật giáo Champa trong giai đoạn thế kỷ IX - X (thời kỳ Indrapura) không chỉ có thể liên quan đến sự sùng bái Phật giáo của một số vị vua dưới thời kỳ đầu

của triều đại Indrapura như Jaya Indravarman II (854 - 898), Jaya Sinhavarman (898 - 908), mà còn liên quan sự phát triển của Phật giáo ở khu vực, mà nhất là Trung Hoa trong thời kỳ này. Champa tiếp nhận những ảnh hưởng nghệ thuật Phật giáo trong khu vực Đông Nam Á, như mối liên hệ với Java (Indonesia) mà bia ký Nhan Biểu (Quảng Trị) có đề cập đến, mà nhất là tiếp thu Phật giáo Đại Thừa từ phía Bắc, trong đó có Vân Nam là nơi sản xuất nhiều tượng Bồ tát Lokeshvara và Tara bằng đồng cho vùng Đông Nam Á (Guy J. 1995: 64-83). Trong lịch sử, Vân Nam là quê hương của hai vương quốc cổ Nam Chiếu (738 - 937) và Đại Lý (937 - 1253), nơi đây Mật tông Kim Cương Thừa được sùng bái từ hoàng gia cho đến thứ dân nên hình tượng Quan Thế Âm rất phổ biến; Vân Nam được các nhà nghiên cứu xem là cửa ngõ chuyển giao tôn giáo và nghệ thuật Tây Tạng đến khắp vùng Đông Nam Á thông qua con đường “Trà Mã Cổ Đạo” kết nối hai vùng đất này từ thế kỷ VII hoặc VIII cho đến giữa thế kỷ trước. Theo đó, trà được trồng phổ biến và vận chuyển từ vùng Vân Nam qua rất nhiều chặng trên những con đường mòn hẻo lánh men theo các sườn núi cao, dài hơn năm ngàn cây số, đến Tây Tạng, vì người Tây Tạng ăn nhiều thịt nên cần uống trà để dễ tiêu hóa; ngược lại, ngựa là món hàng quý giá được vận chuyển từ Tây Tạng về Vân Nam để phân phối cho vùng Đông Nam Á và Hoa Nam (Sigley G. 2013: 235-247; Schriver S. 2017: 43-47; Trần Kỳ Phương, Nguyễn Thị Tú Anh 2019: 46-51). Theo con đường đó, Phật giáo Đại thừa từ Trung Quốc cũng đã xâm nhập vào Đông Nam Á, trong đó có Champa.

Với sự hiện diện của Tượng Bồ Tát Cổ Thành (Quảng Trị), thế kỷ XII - XIII, chúng ta thấy, trong thời kỳ Vijaya, trước khi sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt (trước năm 1306), Phật giáo vẫn còn hiện hữu ở khu vực Bắc Hải Vân, dù lúc này ba châu Địa Lý, Bố Chính, Ma Linh đã nhập vào Đại Việt, kinh đô Champa đóng ở vùng Vijaya và Hindu giáo đóng vai trò quốc giáo của Champa. Trong thời kỳ này, vì điều kiện lịch sử Champa bị đô hộ bởi đế chế Angkor dưới thời vua Jayavarman VII, một vị vua rất sùng bái Phật giáo, nên các tác phẩm Phật giáo Champa thời kỳ này chịu ảnh hưởng nghệ thuật Khmer rất rõ nét. Tuy nhiên, đây cũng là tác phẩm thể hiện chủ đề Phật giáo có niên đại muộn nhất được biết ở khu vực này.

Thông qua các dấu ấn Phật giáo ở Bình - Trị - Thiên, chúng ta thấy sự hiện diện của hình tượng Phật Thích Ca và các vị Bồ tát (Bồ tát Quán Thế âm - cả nam thân và nữ thân, Bồ Tát Liên Hoa) bằng nhiều chất liệu: bạc, đồng, đá. Đáng chú ý, hình ảnh của các vị Bồ Tát Quán Thế âm phổ biến hơn, nhiều hơn, cho thấy sự sùng bái mạnh mẽ hình tượng Bồ tát Quán Thế âm - người đại diện của Đức Phật, là biểu tượng của lòng từ bi (cứu khổ, ban vui). Sự tôn kính Bồ tát Quán Thế âm được thể hiện rất rõ trong bia ký Đồng Dương do vua Jaya Indravarman II dựng vào năm 875 tại Phật viện Đồng Dương (Thăng Bình, Quảng Nam): *“Và trong việc tạo dựng tôn tượng Quán Thế Âm siêu việt và lỗi lạc này, được hiển sinh từ sự truyền thừa của chư Phật, ta sẽ cúng dường cho sự giải thoát [của chúng sinh] trên thế giới. Ước nguyện được học hỏi về Pháp, đức vua chánh niệm trong tâm của ngài, được trải nghiệm và liễu ngộ căn nguyên của chân lý tối thượng, ngài đã dựng tôn tượng Quán Thế Âm này bằng chính tay của ngài. Mặc dù ngài đã dâng lễ khai quang cho tôn tượng Quán Thế Âm, rục rịch với tất cả pháp khí bảo vật bằng vàng, ngài không hề cảm thấy tự hào về công đức của mình. Ngài là người thuần đạo, không theo ngoại giáo, và những điều không được ghi chép trong kinh điển”* (Majumdar, R.C. 1985: 74-88).

4. Kết luận

Qua những bằng chứng chính xác - những di tích, di vật khảo cổ đã cho thấy, Phật giáo đã được du nhập vào vùng đất Bình - Trị - Thiên ngày nay từ sớm, ít nhất là từ thế kỷ IV. Từ thế kỷ IV đến thế kỷ VII, Phật giáo khu vực này chịu ảnh hưởng của Phật giáo Nguyên thủy, nhưng phát triển không mạnh mẽ. Đến giai đoạn cuối thế kỷ IX - đầu thế kỷ X, cùng với vùng đất Amaravati, với trung tâm là Phật viện Đồng Dương, Phật giáo cũng phát triển mạnh ở vùng đất Bình - Trị - Thiên, trong đó Quảng Bình được xem là trung tâm Phật giáo quan trọng thứ 2 của Champa, chỉ sau khu Phật viện Đồng Dương (Thăng Bình, Quảng Nam). Bên cạnh sự ảnh hưởng của Phật giáo có nguồn gốc trực tiếp từ Ấn Độ, theo con đường phía Nam/Nam truyền, Phật giáo Champa ở khu vực này còn có mối liên hệ với Phật giáo từ Trung Hoa, nhất là hệ phái Kim Cương Thừa từ con đường phía Bắc/Bắc truyền, thông qua tuyến đường "tơ lụa trên biển" để xâm nhập vào Champa. Trong thời kỳ Đồng Dương, Phật giáo trở thành tôn giáo rất quan trọng ở Champa, tuy nhiên, nhiều cứ liệu khảo cổ học vẫn cho thấy sự tồn tại song song của Hindu giáo cùng với Phật giáo, việc sùng bái Siva và các vị thần Hindu giáo khác vẫn được thịnh hành, phản ánh tính chất hỗn dung tôn giáo thời kỳ Champa.

Chú thích:

1. Năm 1918, P. Henri de Pirey khai quật tháp A, năm 1922 và 1925 tiếp tục khai quật tháp B và C.
2. Trong báo cáo của L. Finot và L. Golubev, kích thước của các nền móng có phần khác biệt so với báo cáo của L. Arousseau. Theo bản vẽ của L. Finot và L. Golubev, kích thước của các nền móng tháp lần lượt là, A: (6.30 x 4.60)m, B: (5.45 x 5.30)m, C: (5.90 x 5.90)m (Finot L., Golubev V. 1925: 470).
3. Tác phẩm này là một tượng Phật bằng đồng, đứng trên tòa sen, cao 0.45m, hai tay đang bắt ấn vô úy (Vitarva - mudra), tóc xoắn thành ba tầng, có mắt thứ ba trên trán (huệ nhãn/urna).
4. Tác phẩm được làm bằng đồng, thể hiện Quan Thế âm Bồ tát (Avalokitesvara) trong tư thế đứng, ngực nở, eo thon, mang nhiều trang sức ở tai, cổ, bắp tay, cổ tay, cổ chân,... khuôn mặt đầy đặn. Đôi mắt mở, tóc búi cao, đầu đội vương miện, chạm hình tượng Phật A Di Đà ngồi. Tượng có 4 tay, 2 tay sau hơi cong vào, một tay cầm quyển sách, 2 tay trước đưa ra cầm nụ sen và bình nước cam lồ. Kích thước: cao: 0.52m; ngang 0.30m. Tượng Avalokitesvara Đại Hữu đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 2599/QĐ-TTg, ngày 30/12/2013 công nhận là Bảo vật Quốc gia (đợt 2) (Trần Thị Diệu Hồng 2014: 70). Tác phẩm này không thấy đề cập trong báo cáo của L. Finot và L. Arousseau.
5. Tác phẩm này cũng không thấy đề cập trong báo cáo của L. Finot và L. Arousseau.
6. Chúng tôi cho rằng, bia Ròn có nguồn gốc tại di tích đền - tháp Lòì Giàng, nay tọa lạc tại thôn Phú Lộc 1, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, vì đây là di tích đền - tháp duy nhất nằm gần cửa Ròn.
7. Hiện nay, vấn đề niên đại và nội dung của bia Võ Cạnh còn có nhiều tranh cãi, tuy nhiên, phần lớn các ý kiến đều cho rằng, nội dung của tấm bia toát lên tinh thần Phật giáo rõ nét. theo L. Finot, nhà vua dựng bia thể hiện ý thức về sự bất thường của cuộc đời, lòng trắc ẩn đối với chúng sinh, sự hy sinh của cái của mình cho lợi ích người khác theo tinh thần Phật pháp (L. Finot 1901: 12 - 26).
8. Kim Cương thừa (sa. vajrayāna) là tên gọi một trường phái Phật giáo xuất hiện trong khoảng thế kỉ thứ 5, 6 tại Bắc Ấn Độ. Kim cương thừa bắt nguồn từ Đại thừa (sa. mahāyāna) và được truyền qua Tây Tạng, Trung Quốc, Nhật Bản, Mông Cổ và Nga. Đây là một trong ba bộ phái Phật giáo chính hiện nay, hai bộ phái còn lại

là Phật triển (còn gọi là Bắc tông, Đại thừa, Đại chúng) và Nguyên thủy (còn gọi là Nam tông, Tiểu thừa, Thượng tọa). Xuất phát từ Phật giáo Đại thừa, nhưng trường phái này lấy thêm những phương pháp tu học huyền bí, có tính chất mật truyền. Thường các phái này được hướng dẫn bằng một vị Đạo sư, kinh sách của họ trình bày nhiều phép tu luyện được gọi là Đất-đặc-la (sa. *tantra*). Kim cương thừa hay sử dụng Chân ngôn (sa. *mantra*) và có ảnh hưởng mạnh nhất tại Tây Tạng. Vì hay sử dụng Chân ngôn, Phật giáo Tây Tạng cũng gọi Kim cương thừa là Chân ngôn thừa (sa. *mantrayāna*). Giáo pháp của Kim cương thừa mang tính chất Mật giáo, bao gồm các yếu tố của phép Du-già (sa. *yoga*) và các tôn giáo thiên nhiên của Ấn Độ trộn lẫn với tư tưởng Phật giáo. Quan trọng nhất là ảnh hưởng từ Tây Bắc Ấn Độ với nhiều biểu tượng về Tịnh quang (sa. *ābhāsvara*, cũng được dịch là Cực quang, ánh sáng rực rỡ) cũng như ảnh hưởng của Bắc Ấn về việc tôn thờ tính dục.

TÀI LIỆU DẪN

- AUROUSSEAU L. 1926. Nouvelles fouilles de Đại-hữu (Quảng-bình, Annam). *BEFEO*. Tome 26: 359 - 362.
- BOISSELIER J. 1963. *La statuaire du Champa, recherché sur cultes et L'Iconographie*. Ecole Francaise D'extreme - orient, Paris.
- COEDES G. 1923. *Liste generale inscriptions du Champa et du Cambodge*. Imprimerie, D'extreme - orient, Ha Noi.
- EFEO 1918. Chronique. *BEFEO*, N°10: 61.
- EFEO 1922. Chronique. *BEFEO*, N°22: 372 - 375.
- FINOT L. 1901. La Religion des Chams d'après les monuments, étude suivie d'un Inventaire sommaire des monuments Chams de l'Annam. *BEFEO*. Tome 1: 12 - 33.
- FINOT L., GOLUBEV V. 1925. Fouilles de Dai Huu. *BEFEO*. Tome 25: 469 - 475.
- GRIFFITHS A., AMANDINE LEPOUTRE, WILLIAM A. SOUTHWORTH AND THANH PHAN 2012. *The Inscriptions of Campā in the Museum of Cham Sculpture at Đa Nang*, VNUHCM Publishing House.
- GUY J. 1995. The Avalokiteśvara of Yunnan and some Southeast Asian Connections. In *South East Asia & China: Art Interaction & Commerce*: 64-83.
- HUBER E. 1911. Etudies Indochinoises. *BEFEO*. Tome 11: 299 - 310.
- KIỀU NGỌC TẢO 2021. Minh văn Champa trong động Phong Nha - Bia kí của Sri Garama. <https://pangduranga.blogspot.com>, https://pangduranga.blogspot.com/2021/03/minh-van-champa-trong-ong-phong-nha-bia.html?fbclid=IwAR3FSTGMCMwYhvQR5syPIT9XrUthfqB-O4OZ2WV7V_TCMz9A9Ak5QLwi0Ak, ngày 26 tháng 3, 2021.
- LÊ ĐỨC THỌ 2023. Dấu ấn Phật giáo Champa vùng Quảng Trị. In trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Phật giáo trong cộng đồng dân tộc Chăm, do Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức tháng 11 năm 2023 tại Hà Nội*: 108-120.
- NGUYỄN VĂN QUẢNG 2018. *Các di tích đền - tháp, thành - lũy Champa ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

- PARMENTIER H. 1909. *Inventaire descriptif des monuments éternels de l'Annam*. Tome premier, Description des monuments, Paris, Imprimerie Nationale.
- PHAN XUÂN BIÊN 1991. *Văn hóa Chăm*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- SCHRIVER S. 2017. *Cultural Heritage Preservation in Regional China: Tourism, Culture and Shaxi Model*. PhD Thesis, The University of Western Australia: School of Social Sciences, Asian Studies (Chinese).
- SIGLEY G. 2013. The Ancient Tea Horse Road and the Politics of Cultural Heritage in Southwest China: Regional Identity in the Context of a Rising China. In *Cultural Heritage Politics in China* (eds. T. Blumenfield and H. Silverman). New York: Springer: 235 - 247.
- TRẦN KỲ PHƯƠNG, NGUYỄN THỊ TÚ ANH 2019. Nhận thức mới về pho tượng bồ tát bằng đồng của đồng Dương: Laksmindra - Lokesvara, Prajnaparamita hay Tara?. Trong *Phát triển Kinh tế - xã hội Đà Nẵng*, số 119: 46-51.
- TRẦN QUỐC VƯỢNG (chủ biên) 1998. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- TRẦN THỊ DIỆU HỒNG 2014. Tượng đồng Avalokitesvara Chăm Pa Đại Hữu là bảo vật quốc gia. *TTKH & CN, Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình*: 70-71.

BUDDHISM IN QUẢNG BÌNH, QUẢNG TRỊ AND THỪA THIÊN HUẾ REGIONS IN THE CHAMPA PERIOD FROM ARCHAEOLOGICAL DATA

NGUYỄN VĂN QUẢNG, LÊ MINH HÙNG, NGUYỄN TRUNG KIÊN
AND NGUYỄN VĂN QUÝ

Champa is a kingdom strongly influenced by Hinduism. In most of its historical periods, Hinduism was the state religion. However, as many other ancient countries in Southeast Asia, Champa also existed in a multi-religious state. In addition to Hinduism, Buddhism and Islam also existed in this kingdom. Remarkably, Buddhism from India penetrated quite early into Champa, which was associated with the first years of the national foundation, and accompanied with the survival, development and decline of this kingdom. Even in the early Indrapura period (late 9th - early 10th century), Mahayana Buddhism strongly developed in Champa and became the most important religion. Therefore, up to now, Champa Buddhism has always been an attractive topic for domestic and foreign researchers. However, most studies mainly refer to Buddhism all over Champa, or concentrate on Đồng Dương Buddhist monastery; they have not paid much attention to Champa Buddhism at the regional level, including Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế /Northern Champa, from which it is possible to have a specific, detailed view, to find out the unique/common points in the development process of Champa Buddhism in different areas.

From the available archaeological data, the author analyzes in depth, and makes comments on Buddhist impression in the areas of Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, thereby identifies the main characteristics of Champa Buddhism in these areas.